

Số: 1967/QĐ-SGDĐT

Nam Định, ngày 26 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024**

**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NAM ĐỊNH**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 2467/QĐ-UBND ngày 10/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2024;

Căn cứ ý kiến hiệp y của Sở Tài chính tại các phụ lục hiệp y kèm theo công văn số 2333/SGDĐT-KHTC ngày 25/12/2023 giữa Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Tài chính về việc hiệp y phương án phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho Trường THPT Đỗ Huy Liêu trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo. Tổng số tiền: 7.214 Triệu đồng (Bảy tỷ, hai trăm mười bốn triệu đồng).

**Trong đó:**

- Ngân sách nhà nước cấp: 6.967 Triệu đồng;
- Đơn vị tự đảm bảo từ nguồn cải cách tiền lương: 247 Triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

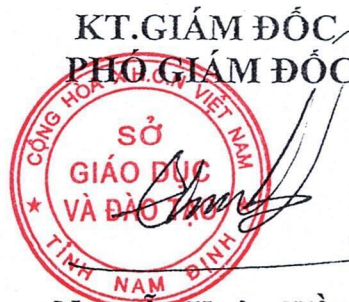
**Điều 2.** Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2024 được giao, Thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng qui định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

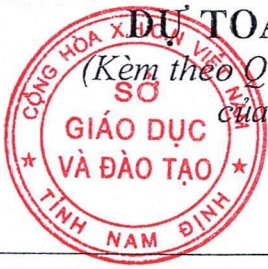
Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Hiệu trưởng trường THPT Đỗ Huy Liêu chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- KBNN nơi giao dịch;
- Lưu VT, KHTC.



Nguyễn Xuân Hồng



## ĐỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 1967/QĐ-SGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định)

Tên đơn vị: Trường THPT Đỗ Huy Liêu

Nội dung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024	Số tiền (Triệu đồng)
<b>Tổng số dự toán điều hành:</b> Kinh phí chi sự nghiệp giáo dục Chương: 422. Loại khoản: 070-074	7.214
<b>Trong đó:</b>	
- Kinh phí thường xuyên giao tự chủ - ngân sách nhà nước cấp:	6.767
- Kinh phí thường xuyên giao tự chủ - đơn vị tự đảm bảo từ nguồn cải cách tiền lương:	247
- Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ - ngân sách nhà nước cấp:	200

Biên chế tạm giao năm 2024: 47 Biên chế

### Ghi chú:

1. Tổng số chi NSNN là số chi đơn vị được điều hành bao gồm kinh phí ngân sách nhà nước cấp và kinh phí các đơn vị tự đảm bảo từ nguồn cải cách tiền lương của đơn vị theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng và biên chế được giao, đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định.

2. Trong tổng chi NSNN đã bao gồm: Kinh phí chi lương, phụ cấp (bao gồm cả phụ cấp ưu đãi cho giáo viên dạy lớp có học sinh khuyết tật theo quy định tại Nghị định số 28/2012/NĐ-CP), các khoản đóng góp theo chế độ với mức tiền lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng theo biên chế được cấp có thẩm quyền tạm giao năm 2024; kinh phí chi hoạt động; kinh phí thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, thực hiện đề án 06 của Chính phủ (như: kinh phí duy trì công nghệ thông tin điện tử, thuê đường truyền chuyên dụng, duy trì tài khoản hệ thống hợp trực tuyến ngành giáo dục; mua sắm, nâng cấp, cập nhật phần mềm phục vụ nhiệm vụ chuyên môn, phục vụ giảng dạy phần mềm quản lý tài sản công dưới 500 triệu đồng, phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức, xây dựng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục- đào tạo,...) ... chưa bao gồm số thu đơn vị được để lại chi theo chế độ.

3. Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo đã bao gồm: Kinh phí tổ chức các kỳ thi; kinh phí dự thi, dự tuyển; đề án phổ biến giáo dục pháp luật; kinh phí chi công tác y tế trong các trường học; kinh phí tăng cường công tác thanh tra giáo dục, bồi dưỡng cán bộ quản lý các cấp học, hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục; kinh phí tổ chức kỳ thi THPT quốc gia; kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình đổi mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông; kinh phí tổ chức lựa chọn sách giáo khoa; kinh phí thẩm định tài liệu giáo dục địa phương; kinh phí thường xuyên không giao tự chủ để tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ dạy học.

4. Đơn vị chủ động xác định và tạo nguồn cải cách tiền lương từ số thu được để lại theo quy định (Số thu học phí trích tối thiểu 40% để tạo nguồn cải cách tiền lương)/.

Số: 1981/QĐ-SGDĐT

Nam Định, ngày 27 tháng 12 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc giao dự toán thu sự nghiệp năm 2024

#### GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NAM ĐỊNH

Căn cứ Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định về việc kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định đến hết năm học 2021-2022;

Căn cứ Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 2467/QĐ-UBND ngày 10/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2024;

Căn cứ ý kiến hiệp y của Sở Tài chính tại các phụ lục hiệp y kèm theo công văn số 2333/SGDĐT-KHTC ngày 25/12/2023 giữa Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Tài chính về việc hiệp y phương án phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Kế hoạch tuyển sinh và số lượng học sinh năm học 2023 - 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao dự toán thu sự nghiệp (bao gồm: thu học phí và thu dịch vụ) năm 2024 cho các đơn trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

(chi tiết theo phụ lục đính kèm quyết định này)

**Điều 2.** Căn cứ dự toán thu sự nghiệp năm 2024 được giao, Thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng các qui định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- KBNN nơi giao dịch;
- Lưu VT, KHTC.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Hồng

**PHỤ LỤC GIAO DỰ TOÁN THU SỰ NGHIỆP NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 1981/QĐ-SGDĐT ngày 27/12/2023

của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định)



Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Thu học phí			Thu hoạt động dịch vụ, Liên doanh liên kết			
		Số dự toán thu học phí	Số để tạo nguồn CCTL	Số để lại chi tại đơn vị	Số thu	Số chi	Chênh lệch thu chi	Số để tạo nguồn CCTL
<b>Sự nghiệp giáo dục</b>		<b>45.289</b>	<b>18.115</b>	<b>27.173</b>	<b>1.168</b>	<b>995</b>	<b>173</b>	<b>62</b>
<b>Trường THPT</b>		<b>44.083</b>	<b>17.633</b>	<b>26.450</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		<b>-</b>
1	Giao Thủy	1.196	478	717				
2	Giao Thủy B	1.272	509	763				
3	Giao Thủy C	1.013	405	608				
4	Quất Lâm	826	330	496				
5	Xuân Trường	1.261	504	757				
6	Xuân Trường B	1.268	507	761				
7	Xuân Trường C	758	303	455				
8	Nguyễn Trường Thủy	790	316	474				
9	Hải Hậu A	1.196	479	718				
10	Vũ Văn Hiếu	794	318	476				
11	Hải Hậu B	810	324	486				
12	Hải Hậu C	1.067	427	640				
13	Thịnh Long	729	292	437				
14	Trần Quốc Tuấn	804	321	482				
15	An Phúc	575	230	345				
16	Trực Ninh	1.108	443	665				
17	Trực Ninh B	1.055	422	633				
18	Nguyễn Trãi	721	288	433				
19	Lê Quý Đôn	984	394	590				
20	Lý Tự Trọng	1.034	414	621				
21	Nam Trực	1.183	473	710				
22	Nguyễn Du	749	300	450				
23	Trần Văn Bảo	729	292	437				
24	Nghĩa Hưng A	1.242	497	745				
25	Nghĩa Minh	563	225	338				
26	Nghĩa Hưng B	972	389	583				
27	Nghĩa Hưng C	936	375	562				
28	Trần Nhân Tông	544	218	327				

*Handwritten mark*

STT	Đơn vị	Thu học phí			Thu hoạt động dịch vụ, Liên doanh liên kết			
		Số dự toán thu học phí	Số để tạo nguồn CCTL	Số để lại chi tại đơn vị	Số thu	Số chi	Chênh lệch thu chi	Số để tạo nguồn CCTL
29	Chuyên Lê Hồng Phong	1.948	779	1.169				
30	Trần Hưng Đạo	1.660	664	996				
31	Nguyễn Khuyến	1.629	651	977				
32	Ngô Quyền	1.507	603	904				
33	Nguyễn Huệ	1.112	445	667				
34	Hoàng Văn Thụ	988	395	593				
35	Lương Thế Vinh	745	298	447				
36	Nguyễn Bính	676	270	405				
37	Nguyễn Đức Thuận	687	275	412				
38	Tổng Văn Trân	1.132	453	679				
39	Phạm Văn Nghị	1.045	418	627				
40	Mỹ Tho	1.158	463	695				
41	Lý Nhân Tông	616	246	369				
42	Đại An	637	255	382				
43	Đỗ Huy Liêu	616	247	370				
44	Mỹ Lộc	991	397	595				
45	Trần Văn Lan	760	304	456				
<b>Trung tâm GDTX</b>		<b>1.205</b>	<b>482</b>	<b>723</b>	<b>1.168</b>	<b>995</b>	<b>173</b>	<b>62</b>
46	Tỉnh	597	239	358	685	577	108	36
47	Trần Phú	608	243	365	483	418	65	26
<b>Sự nghiệp đào tạo</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.721</b>	<b>1.501</b>	<b>220</b>	<b>108</b>
1	Trường CĐSP		-		1.721	1.501	220	108